TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM ĐỘNG
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HSST
Ngày: 17.8.2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

+ Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Trung Dũng và ông Vũ Quang Nguyên.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đỗ Văn Quyền - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kim Động

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2021/HSST ngày 06/5/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HPT ngày 09/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HPT ngày 06/8/2021 đối với bị cáo:

Đào Đức Lâm, sinh năm 1953; nơi cư trú: thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân nghỉ mất sức; trình độ văn hóa: 8/10; con ông: Đào Đức S (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); vợ: Nguyễn Thị T; Bị cáo có 05 con, con lớn đã chết, con nhỏ sinh năm 1984. Tiền sự, tiền án: không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/9/2020, chuyển tạm giam từ ngày 24/9/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Động. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1959 (có mặt);
2. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1959 (có mặt);

Đều trú tại: thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại ông Phạm Văn N và bà Đoàn Thị H:

1. Bà Phạm Thị D, luật sư (vắng mặt);

2. Bà Lưu Thị H, luật sư (vắng mặt);

Văn phòng Luật sư T. Địa chỉ: số 615, đường L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà là Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 (có mặt).

Trú tại: thôn Đ, Thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Đào Quang H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Trú tại: thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1982 (vắng mặt).
2. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1986 (có mặt).
3. Chị Lò Thị T, sinh năm 1999 (vắng mặt);
4. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1971 (có mặt);
5. Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1994 (vắng mặt);
6. Anh Nguuyễn Văn B, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Đều trú tại: thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

7. Ông Phạm Tiến N, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Trú tại: số nhà 52, buôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

8. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1943 (vắng mặt)

Trú tại: số 52 H, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

9. Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: thôn Đ, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người giám định:

1. Ông Trần Mạnh H, Giám định viên (vắng mặt).
2. Ông Hoàng Bằng G, Giám định viên (vắng mặt).

Hiện công tác tại: Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5 năm 2020, Đào Đức L và vợ là Nguyễn Thị T cho anh Phạm Văn V (con ông Phạm Văn N) vay tổng số tiền 43.500.000 đồng (khi vay cả V và vợ là Lò

Thị T có đến nhà bị cáo L viết giấy vay ghi ngày 05/5/2020 và cùng ký nhận với vợ chồng bị cáo L trong giấy vay với số tiền vay là 40.000.000 đồng, lãi suất 2000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày; còn 3.500.000 đồng là tiền riêng của bà T không ghi trong giấy vay và không tính lãi). Đến nay, anh V mới trả cho vợ chồng bị cáo L 1.000.000 đồng của khoản tiền 3.500.000 đồng, nhiều lần bị cáo L đòi tiền, anh V đều khất nợ (bị cáo L và bà T khai: V mới chỉ trả lãi của tháng đầu tiên là 2.400.000 đồng khi nhận số tiền vay, V đã lấy luôn từ số tiền vay ra để trả vợ chồng bị cáo L; Vương khai: Đã trả lãi đến tháng 8/2020 là 9.600.000 đồng, tuy nhiên không có giấy tờ, tài liệu gì thể hiện việc trả số tiền lãi như đã khai trên). Tối ngày 17/9/2020, bị cáo L uống rượu một mình tại nhà xong định đi ngủ nhưng nghe bà T nói nhiều về số tiền đã cho V vay nhưng vẫn chưa trả, bị cáo L nằm suy nghĩ không ngủ được, bực tức. Lúc này khoảng 01 giờ ngày 18/9/2020, bị cáo L xuống bếp lấy một con dao chuôi gỗ dài 46cm cài vào cạp quần phía sau để phòng thân, rồi điều khiển xe mô tô, biển số 11F6 – 5482 đi đến nhà anh V đòi tiền. Khi gần đến nhà anh V, bị cáo L dựng xe ở ngoài đường, đi bộ vào ngõ, đứng ở ngoài cổng gọi anh V không thấy mở cổng, bị cáo Lâm trèo tường vào trong sân, đi đến gian nhà ngang của vợ chồng anh V đang ngủ kéo cửa và gọi nhưng không thấy anh V mở cửa (theo bị cáo L khai, anh V không mở cửa mà chửi và nói vọng ra đuổi bị cáo về. Anh V không thừa nhận chửi bị cáo L). Nghe tiếng động bên ngoài sân ông Phạm Văn N, (là bố đẻ của anh V) đang ngủ ở gian tiếp giáp gian buồng ở phía tây nhà chính (gian buồng có vợ chồng anh Phạm Văn D là con ông N đang ở), đã tỉnh dậy mở cửa gian giữa đi ra hè nhà. Theo lời khai của bị cáo L: bị cáo nhìn thấy ông N đứng trên hè chửi và đuổi bị cáo về, bị cáo đi lên bậc hè để nói chuyện thì bất ngờ bị ông N đấm vào thái dương bên trái của bị cáo rồi túm tay phải bị cáo giật làm bị cáo ngã về phía trước, tay phải bị cáo chống xuống hè, ngay lập tức bị cáo chuyển tay trái chống đẩy người vùng lên, tay phải rút dao ở sau lưng giơ lên chém về phía ông N, khi bị cáo giơ dao lên tiếp tục chém về phía ông N thì bà Đoàn Thị H là vợ ông N từ trong nhà chạy ra ôm ông N thì cũng bị dao của bị cáo chém vào cánh tay trái bà H. Bị cáo chỉ giơ dao chém hai nhát liên tiếp nhằm vào cánh tay trái để chém gây thương tích cho ông N vì bị ông N đánh nhưng do trời tối nên bị cáo không rõ đã chém vào phần nào trên cơ thể ông N, khi đó bà H ra ôm ông N nên cũng bị chém vào tay, bà H có kêu to. Đúng lúc đó, bị cáo thấy anh V mở cửa ra, tay cầm gậy đi về phía bị cáo thì bị cáo cầm dao đuổi theo anh V, anh V chạy rồi trèo qua tường rào, bị cáo không đuổi nữa mà đi bộ ra phía cổng đi về (lúc đó cổng đã được con dâu của ông N là chị Đỗ Thị Thu H, mở cửa để đi ra ngoài nhờ người đưa ông N đi cấp cứu). Bị cáo đi ra chỗ để xe mô tô nổ máy, điều khiển xe đi về nhà và cài con dao đã chém ông N, bà H vào cùng những con dao khác treo ở bếp nhà bị cáo. Đến sáng ngày 18/9/2020, bị cáo xuống bếp lấy 01 con dao bằng kim loại dài 36cm, điều khiển xe mô tô đến Công an huyện Kim Động đầu thú, khai nhận hành vi phạm và giao nộp chiếc xe mô tô cùng con dao này (được niêm phong ký hiệu A3).

Theo lời khai của ông N, bà H trình bày: Khi ông N mở cửa nhà ra, lúc đó bà H vẫn nằm trong giường, bị cáo L đứng ở cửa nhà anh V, chạy đến chỗ ông N, bị cáo L

đứng ở dưới bậc hè giơ con dao bằng tay phải chém trúng bả vai trái ông N, ông N kêu "ối giời ơi" và ngã ra hè, bà H chạy ra ôm, đỡ ông N thì bị bị cáo L chém vào cánh tay trái bà H. Sau đó, ông N và bà H được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà. Ông N điều trị tại bệnh viện đến ngày 26/10/2020 ra viện, với thương tích: Vết thương mặt trước ngoài thành ngực trái dọc đường lách trước dài khoảng 12cm; Vết thương đường sườn lưng trái dài 15cm có lòi đại tràng, ruột non, mạc treo ruột ra ngoài, vết thương đại tràng xuống dài 1,5cm đang chảy máu, vết thương ruột non tại 2 vị trí, kích thước 1,5cm mỗi vị trí, rách mạc treo ruột non vị trí tương ứng đang chảy máu thành tia; Vết thương nằm ngang trên 1/3 cánh tay trái hình vòng cung dài khoảng 15cm. Kiểm tra vết thương đứt hoàn toàn cơ Delta vào xương cánh tay có 02 mảnh xương nhỏ bong, không đứt gẫy hoàn toàn xương cánh tay trái, và đứt cơ nhị đầu cánh tay trái. Vết thương hình chữ U1/3 trên cẳng tay trái vùng khuỷu. Đứt cơ khuỷu, cơ duỗi cổ tay quay, vỡ mất mảnh xương đài quay tay trái, đứt bao khớp lộ xương khớp khuỷu trái, không thấy thần kinh. Vết thương nhỏ mu bàn tay trái dài 3cm, không đứt gân duỗi bàn ngón tay. Bà H điều trị ngoại trú, với thương tích: Vết thương cánh tay trái (4 x 0,5)cm đang rỉ máu. Ông N, bà H khẳng định ông N không chửi, không đánh, không túm giật tay của bị cáo L. Và xác định bị cáo L chém ông Nhường nhiều nhát gây nên các thương tích ở vai trái xuống cánh và mu bàn tay trái, thành ngực trái, vùng mạn sườn trái xuống ổ bụng, không phải chém hai nhát như bị cáo L khai.

Ngày 18/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động (dưới đây viết tắt là: Cơ quan điều tra) tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu các dấu vết máu ở hiện trường (lần lượt ký hiệu A1, A2). Thu mẫu máu của ông N (ký hiệu M1) và mẫu máu của bà H (ký hiệu M2). Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà ở của bị cáo L và thu giữ tại bếp nhà bị cáo L 03 con dao (gồm: 01 dao chuôi gỗ dài 46cm; 01 dao chuôi sắt dài 33,5cm; 01 dao chuôi gỗ dài 32cm), được niêm phong ký hiệu A4.

Cơ quan điều tra tiến hành cho nhận dạng đối với 04 con dao đã quản lý, bị cáo, các bị hại là ông N và bà H, đều nhận ra con dao chuôi gỗ dài 46cm là dao bị cáo đã dùng chém ông N, bà H. Bị cáo L xác định lý do giao nộp nhầm con dao khi đến đầu thú là do trong người còn men rượu, và chưa bình tĩnh.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 130/2020/TgT ngày 18/9/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Hưng Yên, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của ông Phạm Văn N tại thời điểm giám định là 59%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc gây nên. Hiện tại bệnh nhân đang trong quá trình điều trị các tổn thương có thể chưa được tầm soát hoặc chưa mô tả hết trong giấy chứng nhận thương tích khi chưa tổng kết bệnh án điều trị; các yếu tố này có thể làm thay đổi tỷ lệ % tổn thương cơ thể. Vậy đề nghị Cơ quan trưng cầu cho bị hại giám định bổ sung khi ra viện hoặc khi cần thiết.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 155/2020/TgT ngày 10/12/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Hưng Yên, kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương

cơ thể do thương tích gây nên của ông Phạm Văn N tại thời điểm giám định là 75%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc gây nên.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 156/2020/TgT ngày 30/11/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Hưng Yên, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà Đoàn Thị H tại thời điểm giám định là 04%. Áp dụng theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT. Cơ chế hình thành thương tích là do dạng vật sắc gây nên.

Kết luận giám định số 6597/C09-TT3 ngày 22/10/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

1. Trên các mẫu ký hiệu A1, A2 và A4 đều có dính dấu vết máu của Phạm Văn N, không phát hiện dấu vết máu của Đoàn Thị H.

2. Trên mẫu ký hiệu A3 không dính máu.

3. Lưu các kiểu gen (AND) của Đoàn Thị H và Phạm Văn N tại Viện khoa học hình sự - Bộ Công an.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của bị cáo Đào Đức L vào ngày 18/9/2020, xác định: Vùng thái dương bên trái có vết bầm đỏ, sưng nề, bị cáo L khai do bị ông N dùng tay đấm; mu bàn tay phải ở ngón áp út, ngón giữa có vùng sưng nề đỏ, ngón tay áp út có vết rách ra, chảy máu, bị cáo L khai do bị cáo ngã chống tay và tay cầm dao va vào. Những vết thương này không điều trị ở đâu. Bị cáo L yêu cầu được giám định thương tích và ngày 14/01/2021 Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y về thương tích của bị cáo Đào Đức L. Ngày 22/01/2021, Trung tâm pháp y – Sở y tế Hưng Yên có văn bản trả lời từ chối giám định tỷ lệ tổn hại sức khỏe đối với Đào Đức L do không có hồ sơ bệnh án hoặc giấy tờ liên quan đến quá trình thăm khám hay điều trị tại các cơ sở Y tế.

Đối với hành vi cho vay lãi của bị cáo L và bà T chưa gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, số tiền lãi suất trả theo anh V và bị cáo L trình bày còn mâu thuẫn, ngoài lời khai chưa có tài liệu, chứng cứ nào khác về việc trả tiền lãi nặng, mặt khác số tiền lãi theo lời khai của mỗi bên đã khai đều chưa đến 30.000.000 đồng. Do vậy không có căn cứ để xử lý về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về vật chứng, tài liệu và đồ vật liên quan, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 04 con dao (gồm: 01 dao bằng kim loại dài 36cm; 01 dao chuôi gỗ dài 46cm; 01 dao chuôi sắt dài 33,5cm; 01 dao chuôi gỗ dài 32cm); 01 xe mô tô, biển số 11F6 – 5482 cùng 01 giấy đăng ký của xe mô tô mang tên Đào Quang H; 01 USB ghi lại quá trình thực nghiệm điều tra và 01 giấy vay tiền giữa vợ chồng anh V với vợ chồng bị cáo L.

Về trách nhiệm dân sự: Ông N yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí chữa trị vết thương, thiệt hại tổn thất tinh thần, tổn hại sức khỏe, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, ngày công lao động bị mất là 350.000.000 đồng (trong đó, chi phí chữa trị vết thương

mà bị hại đã chi trả là 79.973.000 đồng đã trừ tiền do bảo hiểm chi trả, gồm số tiền có hóa đơn, chứng từ là 45.110.432 đồng; số tiền không có hóa đơn là 9.740.000 đồng, tiền Bảo hiểm y tế đã chi trả 25.122.568 đồng. Số tiền còn lại là tiền tổn thất tinh thần, sức khỏe, ngày công lao động bị mất). Đối trừ số tiền 35.000.000 đồng do bà T đã bồi thường cho ông N, ông N yêu cầu L phải bồi thường tổng số tiền còn lại là 315.000.000 đồng.

Bà Hạnh yêu cầu L bồi thường chi phí chữa trị vết thương, thiệt hại tổn thất tinh thần, tổn hại sức khỏe là 50.000.000 đồng (trong đó, chi phí chữa trị vết thương mà bị hại đã chi trả là 4.350.000 đồng, gồm số tiền có hóa đơn, chứng từ là 2.850.000 đồng và số tiền 1.500.000 đồng chi phí ở Bệnh viện Hưng Hà có hóa đơn nhưng bà H đã làm rơi mất nên không giao nộp được; ngày công lao động bị mất (không gặt lúa được phải thuê gặt) là 2.000.000 đồng; ngày công người trông nom 10 ngày là 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại là tiền tổn thất tinh thần, sức khỏe).

Anh V yêu cầu L bồi thường tổng số tiền 43.900.000 đồng, gồm tiền chăm sóc ông N 39 ngày (ngày công lao động làm thợ sơn của anh V là 800.000 đồng/1 ngày, cộng với tiền ăn 100.000 đồng/1 ngày bằng 35.100.000 đồng và tiền chăm sóc ông N ở nhà 11 ngày bằng 8.800.000 đồng).

Anh Phạm Văn D yêu cầu L bồi thường tổng số tiền 16.800.000 đồng, gồm tiền chăm sóc ông N 28 ngày (ngày công lao động làm thạch cao của anh D là 500.000 đồng/1 ngày, cộng với tiền ăn 100.000 đồng/1 ngày).

Ông Phạm Tiến N (anh trai ông N), yêu cầu L bồi thường tổng số tiền 42.000.000 đồng, gồm tiền chăm sóc ông N 60 ngày (ngày công lao động mua bán ve chai của ông N là 300.000 đồng/1 ngày bằng 18.000.000 đồng; tiền ăn và xe đi lại là 8.000.000 đồng; tiền mua dãi yến bồi bổ cho ông N là 16.000.000 đồng).

Ông Phạm Văn N (anh trai ông N) yêu cầu L bồi thường tổng số tiền 15.000.000 đồng là tiền chăm sóc ông N 40 ngày và chi phí ăn, xe đi lại cùng các chi phí khác ông không nhớ.

Ông N, ông N, anh V, anh D ủy quyền cho ông N được quyết định vấn đề liên quan đến việc bồi thường thiệt hại đối với mất giảm thu nhập của người chăm sóc.

Trước khi mở phiên tòa, gia đình bị cáo L đã bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông N và bà H (bao gồm các khoản: tiền viện phí, tiền thuốc, tiền thuê xe đi lại, tiền mất giảm thu nhập của ông N, bà H, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền mất giảm thu nhập của người chăm sóc, tiền bồi dưỡng về tinh thần và các khoản chi phí hợp lý khác) tổng số tiền là 232.500.000 đồng. Ông N, bà H đã nhận đủ tiền không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại, tố cáo. Tại giai đoạn truy tố và giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại, tố cáo.

Tại giai đoạn truy tố, ngày 24/4/2021 bị hại là ông Phạm Văn N, bà Đoàn Thị H có đơn khiếu nại Thông báo kết luận điều tra vụ án hình sự số 300 đề ngày 09/4/2021 và yêu cầu "Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để chuyển tội danh đối với Lâm từ tội Cố ý gây thương tích sang tội giết người" gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động và Công an huyện Kim Động. Công an huyện Kim Động đã chuyển đơn của ông N, bà H đến Viện kiểm sát huyện Kim Động. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã có văn bản trả lời ông N và bà H.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 13/5/2021 ông N, bà H tiếp tục có đơn khiếu nại khẩn cấp lần thứ II (do ông N ký) gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động, có nội dung: Quá trình điều tra vụ án còn có nhiều tình tiết chưa được làm sáng tỏ, bao che tội phạm, mớm lời, thực nghiệm điều tra chưa đầy đủ, cán bộ điều tra Nguyễn Văn Q gợi ý chém ông N hai nhát và bị cáo L cứ thế nói theo; hành vi của bị cáo L là côn đồ, cố ý sát hại gia đình ông. Ông N đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động trả lại hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra để thay đổi tội danh từ tội "Cố ý gây thương tích" sang tội "Giết người" đối với bị cáo L.

Sau khi nhận đơn khiếu nại ngày 20/5/2021, Viện kiểm sát đã có văn bản số160/VKSKĐ trả lời ông Phạm Văn N và bà Đoàn Thị H: "Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố và chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Kim Động để giải quyết theo quy định của pháp luật".

Ngày 06/6/2021 ông Phạm Văn N và bà Đoàn Thị H có đơn yêu cầu, kiến nghị gửi Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động và Tòa án nhân dân huyện Kim Động, có nội dung: Do gia đình bị cáo và ông N, bà H đã thỏa thuận xong về bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông N và bà H nên ông N, bà H xin rút đơn khiếu nại khẩn cấp, đơn khiếu kiện, đơn tố cáo.

Ngày 02/7/2021 Tòa án nhân dân huyện Kim Động nhận được đơn tố cáo ngày 12/6/2021 của ông Phạm Văn N và bà Đoàn Thị H (không có chữ ký của người viết đơn), trong đó có nội dung: Tố cáo ông Nguyễn Anh D, Trưởng Công an huyện Kim Động và ông Phạm Đức K, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động, không tiến hành thụ lý và giải quyết đơn khiếu nại của ông bà, đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông bà.

Ngày 28/7/2021 ông N, bà H có đơn xin rút toàn bộ đơn khiếu nại, tố cáo trên và cho rằng bị cáo Đào Đức L bị truy tố về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự và việc cơ quan có thẩm quyền trả lời khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT - VKSKĐ ngày 06/5/2021, VKSND huyện Kim Động truy tố bị cáo Đào Đức Lâm về tội "Cố ý gây thương tích", theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động giữ quyền công tố luận tội và tranh luận : Khoảng 01 giờ ngày 18/9/2020 bị cáo L có hành vi dùng dao chém ông N và bà H làm ông N và bà H bị thương như bản Cáo trạng đã công bố là đúng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động giữ nguyên bản Cáo trạng truy tố bị cáo Đào Đức L về tội Cố ý gây thương tích theo điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Đức L.

Tuyên bố: bị cáo Đào Đức L phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: bị cáo Đào Đức L từ 06 (sáu) năm tù đến 06 (sáu) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 18/9/2020.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu cho hủy 04 dao gồm: 01 dao bằng kim loại dài 36cm, bản rộng 0,5 cm, dao có một mặt lưỡi và một sống dao, mũi dao bằng, chuôi dao bằng kim loại được uốn tròn đường kính 0,3 cm, dài 9,5 cm; 01 dao chuôi gỗ dài 46cm, bản rộng 42 cm, chuôi gỗ dài 10cm; 01 dao chuôi sắt dài 33,5cm phần bản kích thước (22,5 x 7)cm; 01 dao chuôi gỗ dài 32cm, bản dao kích thước (18,5 x 8)cm .

- Trả lại cho anh Đào Quang H 01 xe mô tô, biển số 11F6 – 5482 và 01 giấy đăng ký của xe mô tô mang tên Đào Quang H.

- Lưu hồ sơ 01 USB ghi lại quá trình thực nghiệm điều tra vụ án.

- Lưu hồ sơ 01 giấy vay tiền giữa vợ chồng anh V với vợ chồng bị cáo L.

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.

Người bị hại tranh luận: về tội danh của bị cáo, ông N và bà H nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát. Về mức hình phạt đối với bị cáo, ông N và bà H xin giảm nhẹ cho bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù.

Viện kiểm sát đối đáp: Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về hình phạt đối với bị cáo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo : Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra vụ án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không khiếu nại, tố cáo. Tại giai đoạn truy tố và chuẩn bị xét xử vụ án, bị hại là ông Phạm Văn N và bà Đoàn Thị H có đơn khiếu nại, tố cáo. Ngày 28/7/2021 ông N, bà H có đơn xin rút toàn bộ đơn khiếu nại, tố cáo trên. Ông N, bà H xác định vụ án được tiến hành điều tra, truy tố và giải quyết khiếu nại đúng theo quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo : Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người bị hại, những người tham gia tố tụng khác, kết quả thực nghiệm điều tra, kết quả giám định thương tích của ông N, bà H và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Do bức xúc việc anh V nợ tiền không trả cho vợ chồng bị cáo nên khoảng 01h ngày 18/9/2020 bị cáo trèo qua tường cổng nhà ông N đến cửa phòng ngủ của anh V đòi nợ, khi đi bị cáo có mang theo con dao dài 46cm cài vào cạp quần phía sau để phòng thân. Bị cáo đến trước cửa buồng ngủ của vợ chồng anh V và gọi anh V đòi tiền nhưng anh V không mở cửa, ông N mở cửa nhà chính đi ra hè, thì bị bị cáo đã rút dao là hung khí nguy hiểm chém với về phía bên tay trái ông N làm ông N bị thương: 01 vết thương mặt trước ngoài thành ngực trái dọc đường lách trước dài khoảng 12cm; 01 vết thương đường sườn lưng trái dài 15cm, gãy xương sườn số 8, có lòi đại tràng, ruột non, mạc treo ruột ra ngoài, vết thương đại tràng xuống dài 1,5cm, vết thương ruột non tại 2 vị trí, kích thước 1,5cm mỗi vị trí, rách mạc treo ruột non vị trí tương ứng chảy máu thành tia; 01 vết thương nằm ngang trên 1/3 cánh tay trái hình vòng cung dài khoảng 15cm, đứt hoàn toàn cơ Delta vào xương cánh tay có 02 mảnh xương nhỏ bong, không đứt gẫy hoàn toàn xương cánh tay trái, và đứt cơ nhị đầu cánh tay trái; 01 vết thương chéo mặt trước vai trái xuống cánh tay; 01 vết thương hình chữ U 1/3 trên cẳng tay trái vùng khuỷu; đứt cơ khuỷu, cơ duỗi cổ tay quay, vỡ mất mảnh xương đài quay tay trái, đứt bao khớp lộ xương khớp khuỷu trái, không thấy thần kinh; 01 vết thương nhỏ mu bàn tay trái dài 3cm, không đứt gân duỗi bàn ngón tay. Trong lúc chém ông N, bà H ôm ông N cũng bị bị cáo chém vào cánh tay trái của bà H. Bà H điều trị ngoại trú, với thương tích: Vết thương cánh tay trái (4 x 0,5) cm. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 155/2020/TgT ngày 10/12/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Hưng Yên, kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của ông Phạm Văn N tại thời điểm giám định là 75%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc gây nên. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 156/2020/TgT ngày 30/11/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Hưng Yên, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của bà Đoàn Thị H tại thời điểm giám định là 04%. Cơ chế hình thành thương tích là do dạng vật sắc gây nên.

Khi dùng dao chém ông N, bị cáo nhằm vào cánh tay bên trái của ông N để chém, mục đích của bị cáo là gây thương tích cho ông Nhường, bà H ra đỡ ông N nên cũng bị bị cáo chém vào cánh tay trái, chứ bị cáo không nhằm tước đoạt tính mạng của ông N và bà H nên thấy ông N kêu "ối giời ơi..", bị cáo lúc đó chưa biết mình chém vào vị trí nào trên cơ thể của ông N nhưng bị cáo đã tự dừng lại hành vi của mình, không tiếp tục tấn công ông N, bà H mặc dù có đủ điều kiện để chém chết ông N, bà H, điều đó chứng tỏ bị cáo không mong muốn hậu quả chết người xảy ra.

Đối với các vết thương trên cơ thể của bị cáo L, tại phiên tòa bị cáo L xác định không phải do ông N gây ra, ông N không đánh chửi bị cáo, bị cáo khai ông N đánh chửi bị cáo là do bị cáo hôm đó uống rượu say nên nghĩ như vậy. Ông N xác định không đánh chửi bị cáo, các vết thương trên cơ thể của bị cáo có thể do bị cáo có từ trước khi đến nhà ông. Do vậy, không có căn cứ xác định ông N là người đã gây thương tích cho bị cáo.

Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích", với tình tiết định khung tăng nặng "Dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ" được quy định tại điểm a, i khoản 1, điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự, không đủ yếu tố cấu thành tội "Giết người" quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố bị cáo L về tội "Cố ý gây thương tích", được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo ý thức được hành vi của mình là trái quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc bị cáo cho con bị hại vay tiền đã nhiều lần đòi nhưng không trả và do uống rượu không làm chủ được bản thân nên bị cáo đã mang hung khí nguy hiểm đi đòi nợ giữa đêm gây thương tích cho nhiều người, hành vi của bị cáo xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây lo lắng, bất bình trong nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; bị cáo có anh ruột là Đào Hồng H được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và Đào Đức S được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và

xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian . Bị cáo đã cao tuổi; sau khi phạm tội bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đã đến cơ quan Công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội và đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với bị cáo, cũng có thể cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

+ 04 con dao gồm: 01 dao bằng kim loại dài 36cm; 01 dao chuôi gỗ dài 46cm; 01 dao chuôi sắt dài 33,5cm; 01 dao chuôi gỗ dài 32cm.

Quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng con dao chuôi gỗ dài 46cm vào việc phạm tội nên sẽ tịch thu cho hủy. 03 con dao gồm: 01 dao bằng kim loại dài 36cm; 01 dao chuôi sắt dài 33,5cm; 01 dao chuôi gỗ dài 32cm là của gia đình bị cáo, bị cáo và bà T không nhận lại đồ vật trên. Xét thấy, đồ vật này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho hủy.

+ 01 xe mô tô, biển số 11F6 – 5482 và 01 giấy đăng ký của xe mô tô biển số 11F6 – 5482 mang tên Đào Quang H, là của anh H (con trai của bị cáo) cho bị cáo để bị cáo làm phương tiện đi lại. Do vậy, trả lại xe mô tô và giấy đăng ký xe trên cho bị cáo.

+ 01 USB ghi lại quá trình thực nghiệm điều tra là tài liệu chứng cứ của vụ án nên sẽ lưu lại trong hồ sơ vụ án.

+ 01 giấy vay tiền giữa vợ chồng anh V với vợ chồng L, là tài liệu chứng cứ do bà T xuất trình. Xét thấy, bị cáo L và bà T không đề nghị lấy lại. Do vậy sẽ lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự : Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho ông N, bà H tổng số tiền là 232.500.000 đồng. Ông N, bà H không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Đối với hành vi cho vay lãi của bị cáo L và bà T chưa gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, anh V và bị cáo L trình bày về số tiền lãi suất đã trả cho nhau còn mâu thuẫn, ngoài lời khai chưa có tài liệu, chứng cứ nào khác về việc trả tiền lãi nặng, mặt khác số tiền lãi theo lời khai của mỗi bên đã khai

đều chưa đến 30.000.000 đồng. Do vậy, không xử lý bị cáo L và bà T về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Đức L.

Tuyên bố: Bị cáo Đào Đức L phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Bị cáo Đào Đức L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 18/9/2020.

Về vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu cho hủy: 01 dao bằng kim loại dài 36cm, bản rộng 0,5 cm, dao có một mặt lưỡi và một sống dao, mũi dao bằng, chuôi dao bằng kim loại được uốn tròn đường kính 0,3 cm, dài 9,5; 01 dao chuôi gỗ dài 46cm, bản rộng 4,2 cm, chuôi gỗ dài 10cm; 01 dao chuôi sắt dài 33,5cm phần bản kích thước (22,5 x 7)cm ; 01 dao chuôi gỗ dài 32cm, bản dao kích thước (18,5 x 8)cm.

- Trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu xanh đen, biển số 11F6 – 5482 và 01 giấy đăng ký của xe mô tô biển số 11F6 – 5482 mang tên Đào Quang H.

(Đặc điểm vật chứng được được thể hiện tại biên bản vật chứng , tài sản ngày 12/5/2021 giữa Công an huyện Kim Động và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động).

- Lưu hồ sơ 01 USB ghi lại quá trình thực nghiệm điều tra vụ án.

- Lưu hồ sơ 01 giấy vay tiền giữa vợ chồng anh V với vợ chồng bị cáo L.

Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt kể từ ngày tuyên án , người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA Toà án tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Kim Động;
- CA huyện Kim Động;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hưng Yên;
- THADS huyện Kim Động;
- Sở tư pháp;.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Oanh